JS

**var swiper = new Swiper(".popular-content", {**

* **var swiper:** Tạo một biến mới tên là swiper.
* **new Swiper(".popular-content", {** Khởi tạo một đối tượng Swiper mới, sử dụng lớp CSS .popular-content làm container cho slider và truyền vào các tùy chỉnh bên trong dấu ngoặc nhọn.

**slidesPerView: 1,**

* **slidesPerView:** Thiết lập số lượng slide hiển thị cùng lúc. Trong trường hợp này, chỉ hiển thị một slide.

**spaceBetween: 10,**

* **spaceBetween:** Đặt khoảng cách giữa các slide là 10 pixel.

**autoplay: {**

* **autoplay:** Bật tính năng tự động chuyển slide.

**delay: 5500,**

* **delay:** Thiết lập khoảng thời gian giữa các lần tự động chuyển slide là 5500 mili giây (5.5 giây).

**disableOnInteraction: false,**

* **disableOnInteraction:** Tắt tính năng tạm dừng tự động chuyển slide khi người dùng tương tác (ví dụ: vuốt, nhấp vào nút điều hướng).

**},**

* **},** Kết thúc khối tùy chỉnh autoplay.

**pagination: {**

* **pagination:** Thiết lập tùy chỉnh cho phân trang.

**el: ".swiper-pagination",**

* **el:** Xác định phần tử HTML chứa phân trang bằng lớp CSS .swiper-pagination.

**clickable: true,**

* **clickable:** Cho phép nhấp vào các chấm phân trang để chuyển slide.

**},**

* **},** Kết thúc khối tùy chỉnh pagination.

**navigation: {**

* **navigation:** Thiết lập tùy chỉnh cho điều hướng.

**nextEl: ".swiper-button-next",**

* **nextEl:** Xác định phần tử HTML chứa nút "Tiếp theo" bằng lớp CSS .swiper-button-next.

**prevEl: ".swiper-button-prev",**

* **prevEl:** Xác định phần tử HTML chứa nút "Trước đó" bằng lớp CSS .swiper-button-prev.

**},**

* **},** Kết thúc khối tùy chỉnh navigation.

**breakpoints: {**

* **breakpoints:** Thiết lập tùy chỉnh cho các điểm ngắt (breakpoint) để điều chỉnh hiển thị slider trên các kích thước màn hình khác nhau.

**280: {**

* **280:** Đặt các tùy chỉnh cho màn hình có chiều rộng 280 pixel.

**slidesPerView: 1,**

* **slidesPerView:** Hiển thị 1 slide.

**spaceBetween: 10,**

* **spaceBetween:** Khoảng cách giữa các slide là 10 pixel.

**},**

* **},** Kết thúc khối tùy chỉnh cho màn hình 280 pixel.

**320: {**

* **320:** Đặt các tùy chỉnh cho màn hình có chiều rộng 320 pixel.

**slidesPerView: 2,**

* **slidesPerView:** Hiển thị 2 slide.

**spaceBetween: 10,**

* **spaceBetween:** Khoảng cách giữa các slide là 10 pixel.

**},**

* **},** Kết thúc khối tùy chỉnh cho màn hình 320 pixel.

// Tương tự cho các điểm ngắt khác (510, 758, 900)

**},**

* **},** Kết thúc khối tùy chỉnh breakpoints.

**});**

* **});** Kết thúc khối tùy chỉnh cho đối tượng Swiper.

**Tóm lại:**

Đoạn code này tạo ra một slider bằng thư viện Swiper. Nó thiết lập các tùy chỉnh như tự động chuyển slide, phân trang, điều hướng, và điều chỉnh hiển thị trên các kích thước màn hình khác nhau.

**1. Khai báo biến:**

* let playButton = document.querySelector(".play-movie");
  + Tạo biến playButton và sử dụng phương thức document.querySelector để tìm kiếm nút có class .play-movie trong trang HTML.
* let video = document.querySelector(".video-container");
  + Tạo biến video và sử dụng phương thức document.querySelector để tìm kiếm element có class .video-container trong trang HTML (có thể là một div chứa video).
* let myvideo = document.querySelector("#myvideo");
  + Tạo biến myvideo và sử dụng phương thức document.querySelector để tìm kiếm element có id #myvideo trong trang HTML (chính là video cần điều khiển).
* let closebtn = document.querySelector(".close-video");
  + Tạo biến closebtn và sử dụng phương thức document.querySelector để tìm kiếm nút có class .close-video trong trang HTML.
* (Lặp lại các khai báo tương tự cho trailer)

**2. Xử lý sự kiện click:**

* playButton.onclick = () => { ... }
  + Gắn sự kiện click (nhấp chuột) cho biến playButton. Khi nút play được click, đoạn code bên trong ngoặc nhọn () => { ... } sẽ được chạy.
    - video.classList.add("show-video");
      * Sử dụng phương thức classList.add để thêm class show-video vào element video. Có thể class này được định nghĩa trong CSS để hiển thị video (ví dụ: gỡ bỏ ẩn video, thiết lập kích thước, v.v.).
    - myvideo.play();
      * Sử dụng phương thức play của element myvideo để bắt đầu phát video.
* closebtn.onclick = () => { ... }
  + Tương tự như trên, gắn sự kiện click cho nút đóng video (closebtn). Khi nút đóng được click, đoạn code bên trong ngoặc nhọn sẽ được chạy.
    - video.classList.remove("show-video");
      * Sử dụng phương thức classList.remove để loại bỏ class show-video khỏi element video. Có thể class này được sử dụng để ẩn video.
    - myvideo.pause();
      * Sử dụng phương thức pause của element myvideo để tạm dừng video.